

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DS-ST
Ngày: 21/9/2018
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hào.

Ông Lê Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2018/TLST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Đường PNL, khóm M, phường N, TP. P, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

1. Bà B, sinh năm 1947 (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông C, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường LL, khóm M, phường N, TP. P, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 của nguyên đơn bà A và lời trình bày của bà trong quá trình giải quyết vụ án: Vào ngày 20/10/2017 bà có nhờ ông C ở địa chỉ LL, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh, đổ đất sang lấp mặt bằng để cất nhà tiền chế trên thửa đất của bà tại khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh và bà A có đưa cho ông C nhiều lần tiền cụ thể như sau: lần thứ nhất vào ngày 27/10/2017 số tiền 16.000.000 đồng; lần thứ 2 vào ngày 17/11/2017 là 35.150.000 đồng; lần thứ ba vào ngày 14/11/2017 là 5.000.000 đồng và lần thứ tư vào ngày

17/11/2017 là 18.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà đã giao cho C là 74.150.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bà thì ông C đã đổ đất với số tiền là 37.472.000 đồng, số tiền còn lại là 36.528.000 đồng, ông C không tiếp tục thi công nhà cho bà và giữ lại số tiền 36.528.000 đồng. Bà có đến nhà ông C nhiều lần để thương lượng và gặp mẹ ông C là bà B và bà B viết cam kết sẽ trả tiền thế cho ông C, tờ giao kèo ngày 26/3/2018. Nhưng từ ngày ký giao kèo đến nay bà B và ông C không thanh toán số tiền còn lại cho bà. Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông C trả cho bà số tiền 36.528.000 đồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì ông C có trả cho bà A số tiền 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà A yêu cầu ông C và bà B có nghĩa vụ trả bà số tiền thi công nhà mà ông C còn nợ với tổng số tiền là 28.528.000 đồng.

Bị đơn ông C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Vào ngày 20/10/2017 ông có lãnh đồ đất sang lấp mặt bằng để cất nhà tiền chế cho bà A tại khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh và ông có nhận tiền của bà A nhiều lần tiền cụ thể: lần thứ nhất vào ngày 27/10/2017 số tiền 16.000.000 đồng; lần thứ 2 vào ngày 17/11/2017 là 35.150.000 đồng; lần thứ ba vào ngày 14/11/2017 là 5.000.000 đồng và lần thứ tư vào ngày 17/11/2017 là 18.000.000 đồng tổng cộng số tiền là 74.150.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bà A, ông C đã đổ đất với số tiền là 37.472.000 đồng số tiền còn lại là 36.528.000 đồng, do lúc đó ông thi công nhiều người nên có chậm trễ trong việc thi công nhà cho bà A và bà A đã kêu người khác thi công nhà cho bà. Sau đó, ông và mẹ ông là bà B có viết cam kết sẽ trả tiền còn lại cho bà A. Nhưng do làm ăn gặp khó khăn nên từ đó đến nay ông chỉ trả cho bà A được số tiền 8.000.000 đồng. Hiện tại ông còn nợ bà A số tiền 28.528.000 đồng và đồng ý trả cho bà A số tiền 28.528.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông C mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng ông C vắng mặt không có lý do.

Bị đơn bà B trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Vào năm 2017 con bà C có lãnh cất nhà cho bà A. Do bà bị bệnh nên con bà không thực hiện cất nhà cho bà A như đã thỏa thuận. Sau đó con bà C tiếp tục cất nhà cho bà A nhưng bà A không cho và yêu cầu con bà C trả số tiền 36.528.000 đồng. Do bà bị bệnh, con bà gặp khó khăn khi làm ăn nên không có tiền trả lại cho bà A. Sau sự việc trên bà có viết tờ giao kèo và hứa trả số tiền trên cho bà A. Từ đó đến nay con bà ông C đã trả cho bà A được số tiền 8.000.000 đồng. Hiện tại con bà C còn nợ bà A số tiền là 28.528.000 đồng. Bà B đồng ý cùng với con bà là ông C trả bà A số tiền 28.528.000 đồng, nhưng xin bà A cho trả từ từ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà B thừa nhận ông C còn nợ bà A số tiền 28.528.000 đồng và đồng ý cùng với ông C trả cho bà A số tiền trên.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự bà B vắng mặt và còn đơn xin xét xử vắng mặt đối với ông C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

2. Về nội dung vụ án: Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 của nguyên đơn bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 36.528.000 đồng, tiền thi công nhà mà ông C còn nợ. Căn cứ vào tờ giao tiền lập ngày 14/12/2017 giữa bà A với ông C; tờ giao kèo ngày 26/3/2018 giữa bà A với bà B. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay thì ông C đã trả cho bà A số tiền 8.000.000 đồng và hiện tại còn nợ lại 28.528.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B và ông C đồng ý trả bà A số tiền 28.528.000 đồng nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà B và ông C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 28.528.000 đồng và buộc bà B, ông C chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông C có nghĩa vụ trả bà A số tiền 28.528.000 đồng, tiền ông C đã nhận thi công nhà cho bà A, do ông C không hoàn thành việc thi công và còn nợ lại bà A số tiền trên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng thi công. Theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19 tháng 9 năm 2018, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt đối với ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông C vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà B, ông C.

[3] Nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, nguyên đơn bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà B, có nghĩa vụ trả bà A số tiền 36.528.000 đồng, tiền thi công nhà mà ông C còn nợ bà A theo tờ giao tiền lập ngày 14/12/2017 giữa bà A với ông C; tờ giao kèo ngày 26/3/2018 giữa bà A với bà B. Trong quá trình giải quyết ngày 16/5/2018 ông C đã trả cho bà A số tiền 8.000.000 đồng. Nay bà A yêu cầu ông C và bà B trả bà A số tiền 28.528.000 đồng.

Bà B và ông C thống nhất: Vào năm 2017 ông C có lãnh đồ đất sang lập mặt bằng để cất nhà tiền chế cho bà A tại khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh. Ông C có nhận tiền của bà A nhiều lần tổng cộng số tiền 74.150.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bà A ông C đã đổ đất với số tiền là 37.472.000 đồng. Sau khi đổ đất thì ông C không tiếp tục thi công nhà cho bà A nên số tiền ông C còn nợ lại bà A là 36.528.000 đồng. Đến ngày 16/5/2018 ông C có trả cho bà A được số tiền 8.000.000 đồng và còn nợ lại bà A số tiền 28.528.000 đồng. Ông C và bà B thừa nhận ông C còn nợ bà A 28.528.000 đồng, tiền thi công nhà. Bà B và ông C đồng ý trả bà A số tiền 28.528.000 đồng.

Đối với việc bà A yêu cầu bà B, ông C phải có nghĩa vụ trả bà một lần số tiền 28.528.000 đồng và bà B xin trả từ từ do hiện tại bà và ông C đang gặp khó khăn. Xét yêu cầu của bà A yêu cầu bà B và ông C trả tiền một lần cũng như yêu cầu xin trả dần của bà B không có căn cứ. Việc thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc ông C và bà B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Buộc ông C và bà B có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 28.528.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm buộc ông C và bà B phải chịu 1.426.400 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Nguyên đơn bà A không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà A 913.200 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0016828, ngày 20/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**
Đã ký

Phan Thị Bích Lộc